

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ B  
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 52/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 25-11-2021

V/v: Ly hôn giữa anh Gi và chị U.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hiền.

*Các hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Hoàng Xuân Ty.

2. Bà Lê Thị Thanh Nhân.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Đình Duy Toàn - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thùy Linh - Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 25 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 163/2021/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 04 năm 2021, về tranh chấp "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2021/QĐXXST - HNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *NgU đơn:* Anh **Đào Hải Gi**, sinh năm 1981;

Địa chỉ: Xã Đăk Long, thị trấn K, tỉnh KonTum.

Địa chỉ hiện nay: Số nhà 54 đường P, thị trấn M, huyện Kon, tỉnh KonTum.

2. *Bị đơn:* Chị **Phạm Ngọc Bảo U**, sinh năm 1977;

Địa chỉ: Hẻm 133 đường 1/5, phường B, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.

(Tại phiên tòa anh Gi, chị U vắng mặt và cùng có đơn xin vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 25/3/2021 các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, ngU đơn anh Đào Hải Gi trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Phạm Ngọc Bảo U có đăng ký kết hôn vào ngày 30/6/2006 tại UBND phường B, thị xã B (nay là thành phố B), tỉnh Lâm Đồng. Hôn nhân tự nguyện, không ai bị ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống bình thường với nhau đến năm 2012 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng trong cách làm kinh tế dẫn đến bất đồng ý kiến với nhau nên

thường xuyên cãi vã làm cho tình cảm vợ chồng bị rạn nứt. Từ năm 2012 cho đến nay anh và chị U đã sống ly thân mỗi người một nơi, mạnh ai nấy sống không còn quan tâm, hỏi thăm gì đến nhau. Nay tình cảm của anh đối với chị U không còn, cuộc sống chung không mang lại hạnh phúc cho nhau nên anh đề nghị Tòa án cho ly hôn với chị U.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Đào Ngọc L, sinh ngày 16/01/2006 hiện nay đang sống cùng chị U. Khi ly hôn anh đồng ý giao con chung là cháu L cho chị U trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh khai không có.

*Các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Phạm Ngọc Bảo U trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Đào Hải Gi đăng ký kết hôn như anh Gi trình bày là đúng. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống bình thường đến năm 2015 thì vợ chồng không sống chung nữa, nguyên nhân là do hai bên không hợp nhau, bất đồng ý kiến nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau và anh Gi hay bỏ nhà đi. Từ năm 2015 cho đến nay vợ chồng sống ly thân và không còn tình cảm gì với nhau nữa, mạnh ai nấy sống. Nay anh Gi đề nghị ly hôn thì chị cũng đồng ý ly hôn với anh Gi.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung đúng như anh Gi trình bày. Hiện nay con chung Đào Ngọc L, sinh ngày 16/01/2006 đang sống cùng chị, anh Gi không đến thăm con và cũng không chu cấp tiền cho con ăn học. Khi ly hôn chị đề nghị được nuôi con chung và không yêu cầu anh Gi cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị khai không có.

Do anh Gi và chị U đều có đơn xin vắng mặt nên Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ vào ngày 27 tháng 10 năm 2021 mà không tiến hành hòa giải. Tòa án cũng đã thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho các đương sự.

*Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố B tại phiên tòa:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thực hiện đúng trình tự, thủ tục do Bộ luật Tố tụng dân sự qui định.

Về giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của anh Gi; về con chung: giao con chung Đào Ngọc L, sinh ngày 16/01/2006 cho chị U trực tiếp nuôi dưỡng, vấn đề cấp dưỡng nuôi con

chung đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét; về tài sản chung, nợ chung: các đương sự khai không có nên không xem xét; về án phí: Anh Gi phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (ly hôn) theo qui định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

1.1. Về thẩm quyền: Nguyên đơn anh Đào Hải Gi khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn chị Phạm Ngọc Bảo U có nơi cư trú tại địa chỉ hẻm 133 đường 1/5, phường B'Lao, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng.

1.2. Về sự có mặt của đương sự: Tại phiên tòa, nguyên đơn anh Đào Hải Gi và bị đơn chị Phạm Ngọc Bảo U đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt và đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt đương sự theo qui định pháp luật.

[2]. Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa anh Đào Hải Gi và chị Phạm Ngọc Bảo U được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống anh Gi và chị U có mâu thuẫn do bất đồng về tính cách, quan điểm sống dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã làm cho tình cảm bị rạn nứt, cuộc sống chung không còn hạnh phúc. Qua xác minh tại chính quyền địa phương, người thân cho thấy vợ chồng anh Gi và chị U thường xuyên cãi vã, đánh nhau, cuộc sống chung không có hạnh phúc. Cả phía anh Gi và chị U đều thừa nhận vợ chồng xảy ra mâu thuẫn và mỗi người đã sống mỗi nơi không còn tình cảm gì với nhau. Như vậy, có đủ cơ sở khẳng định tình trạng hôn nhân của anh Gi và chị U đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Gi là có căn cứ.

[3]. Về con chung: Anh Gi thống nhất giao con chung tên Đào Ngọc L, sinh ngày 16/01/2006 cho chị U trực tiếp nuôi dưỡng. Chị U không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về tài sản chung: Anh Gi và chị U khai không có, không yêu cầu giải quyết.

[5]. Về nợ chung: Anh Gi và chị U đều khai không có, trong quá trình giải quyết vụ án không có ai tranh chấp gì nên không xem xét.

[6]. Xét ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên chấp nhận.

[7]. Về án phí: Anh Gi phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (ly hôn) theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Áp dụng Điều 51, 56, 81,82,83,84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

#### **Tuyên xử:**

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Đào Hải Gi và chị Phạm Ngọc Bảo U.
2. Về con chung: Giao con chung tên Đào Ngọc L, sinh ngày 16/01/2006 cho chị U trực tiếp nuôi dưỡng, chị U không yêu cầu anh Gi cấp dưỡng nuôi con chung.

*Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn và thay đổi nuôi con được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.*

3. Về tài sản chung: Anh Gi và chị U đều khai không có.
4. Về nợ chung: Anh Gi và chị U đều khai không có.
5. Về án phí: Anh Đào Hải Gi phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (ly hôn) là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số AA/2016/0019062 ngày 29/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B. Anh Gi đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

6. Quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo qui định pháp luật.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- + Các đương sự;
- + VKSND thành phố B;
- + T.H.A thành phố B;
- + TAND tỉnh Lâm Đồng;
- + UBND phường B'Lao, thành phố B;
- + Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Hiền**